

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HSST

Ngày: 30/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Giàu;
2. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yên là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phan Thanh Vàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 62/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Trần Hoàng A, sinh năm 1978 tại Thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường M, Quận J, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Trần Văn L, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949; Vợ, con: Chưa có; Nhân thân: Quyết định số 172/QĐ-TA ngày 04/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (chấp hành xong ngày 20/10/2017); Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 288/2015/HSST ngày 11/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Bản án số 236/2019/HS-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/4/2021, đến ngày 05/4/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

*** Bị hại:**

- Ông Châu Phước S, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Ấp TQĐ, xã MĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Khu phố C, Phường G, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Dương Hoàng C, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Ấp T, xã HM, huyện MCN, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 22/3/2021 đến ngày 02/4/2021 trên địa bàn huyện MCN và thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo Trần Hoàng A đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 18 giờ ngày 22/3/2021, bị cáo A điều khiển xe mô tô biển số 59S1-400.82 từ thành phố Hồ Chí Minh về xã HM, huyện MCN, tỉnh Bến Tre để thăm bạn gái. Khi đến quán VS ở ấp BP, xã CS, huyện MCN, tỉnh Bến Tre thì phát hiện xe mô tô biển số 71B2-836.08 của anh Châu Phước S đang dựng phía trước quán VS, trên ba ga xe của anh S có để 01 túi xách quay giữa có dây đeo, màu đen (bên trong có nhiều giấy tờ, 01 bóp da, tiền Việt Nam 7.120.000 đồng, 02 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Châu Phước S) nhưng không người trông giữ nên bị cáo A nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện ý định, bị cáo A điều khiển xe mô tô biển số 59S1-400.82 chạy đến áp sát vào chỗ xe anh S đang dựng lấy túi xách của anh S để lên ba ga xe mô tô của bị cáo A rồi tẩu thoát về hướng xã HM, huyện MCN, tỉnh Bến Tre. Khi đến gần nhà trọ YN ở ấp THA, xã MĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre, bị cáo A mở túi xách của anh S ra lục soát lấy bóp da và 7.120.000 đồng, ném bỏ túi xách và các giấy tờ của anh S gần khu vực nhà trọ YN. Sau đó, bị cáo A điều khiển xe mô tô biển số 59S1-400.82 tiếp tục chạy về hướng thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Khi đi được một đoạn, bị cáo A lấy bóp da ra kiểm tra thì thấy trong bóp có 02 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Châu Phước S nên lấy cất giữ còn bóp da thì bị cáo A ném bỏ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 túi xách quay giữa có dây đeo, màu đen, kích thước dài 45cm, rộng 15cm, cao 30cm, không nhãn hiệu, đã qua sử dụng;
- 02 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Châu Phước S.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 19/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mỏ Cày Nam kết luận:

- 01 bóp nam, loại gấp xếp bỏ túi, màu vàng, không nhãn hiệu, kích thước khoảng 12cm x 24cm, đã qua sử dụng: Còn giá trị sử dụng, không còn giá trị định giá.
- 01 túi xách quay giữa có dây đeo, màu đen, kích thước dài 45cm, rộng 15cm, cao 30cm, không nhãn hiệu, đã qua sử dụng: Còn giá trị sử dụng, không còn giá trị định giá.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ ngày 02/4/2021, bị cáo A điều khiển xe mô tô biển số 59S1-400.82 từ thành phố Hồ Chí Minh về tỉnh Bến Tre để thăm người bạn. Trong

lúc điều khiển xe mô tô chạy trên đường Quốc lộ 60 hướng từ huyện CT về thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo A phát hiện xe mô tô biển số 71B3-451.83 của anh Trịnh Văn T1 đang dừng trên vỉa hè phía trước nhà thuộc ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, trên ba ga xe của anh T1 có để 01 chiếc cặp màu đen nhãn hiệu SAKOS (bên trong cặp có tiền Việt Nam 101.000.000 đồng, 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 01 hợp đồng xây dựng và 01 thẻ ATM mang tên Trịnh Văn T1) nhưng không người trông giữ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện ý định, bị cáo A điều khiển xe mô tô biển số 59S1-400.82 chạy đến lấy chiếc cặp của anh T1 để lên ba ga xe mô tô của bị cáo A rồi tẩu thoát về thành phố Hồ Chí Minh. Trên đường đi, bị cáo A ghé vào quán cơm mở cặp ra xem thì phát hiện có nhiều cọc tiền và giấy tờ nên bị cáo A lấy cọc tiền 20.000.000 đồng bỏ vào túi quần, số tiền còn lại vẫn để trong cặp rồi tiếp tục điều khiển xe về hướng thành phố Hồ Chí Minh nhưng khi đến khu vực thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Long An thì bị bắt giữ cùng tang vật. Sau đó, Công an thị trấn Bến Lức thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đến tiếp nhận để xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc cặp màu đen nhãn hiệu SAKOS, kích thước 43cm x 35cm x 15cm;
- Tiền Việt Nam 101.000.000 đồng;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300966780 mang tên Trịnh Văn T1;
- 01 hợp đồng xây dựng số 11200 ngày 11/10/2020;
- 01 thẻ ATM mang tên Trịnh Văn T1;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại AIRBLADE, màu trắng đỏ đen, biển số 59S1-400.82, số máy: JF27E1007119, số khung: 2702BY226811;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59S1-400.82 mang tên Trần Hoàng A.
- 01 đoạn camera thu giữ tại hiện trường ghi nhận hình ảnh Trần Hoàng A trộm cắp tài sản của anh Trịnh Văn T1.

Ngoài ra lực lượng Công an còn thu giữ của bị cáo A:

- 01 áo khoác màu trắng.
- 01 nón bảo hiểm màu đen.
- 01 nón kết màu đen.
- 01 đôi giày màu đen.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 342/KL-HĐĐG ngày 27/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre kết luận: 01 cặp màu đen nhãn hiệu SAKOS, kích thước 43cm x 35cm x 15cm, trị giá vào ngày 02/4/2021 là 200.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 62/CT-VKSTPBT ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt chính: Áp dụng các điểm c, g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo A từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng do bị cáo A không có nghề nghiệp.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã giao trả lại cho bị hại S 01 túi xách quay giữa có dây đeo, màu đen; 02 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Châu Phước S.

+ Ghi nhận bị cáo A đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại S số tiền đã chiếm đoạt là 7.120.000 đồng, hiện bị hại S không yêu cầu gì thêm.

+ Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Hoàng C không yêu cầu bị cáo A trả lại số tiền 7.120.000 đồng do bồi thường thay cho bị cáo.

+ Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả lại cho bị hại T1 01 chiếc cặp màu đen nhãn hiệu SAKOS; tiền Việt Nam 101.000.000 đồng; 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 01 hợp đồng xây dựng và 01 thẻ ATM mang tên Trịnh Văn T1. Hiện bị hại T1 không yêu cầu gì thêm.

+ Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước 01 xe mô - tô hai bánh biển số 59S1-400.82, nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu sơn trắng - đỏ - đen, số máy: JF27E1007119, số khung: 2702BY226811 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô - tô biển số 59S1-400.82 mang tên Trần Hoàng A, do đây là phương tiện phạm tội.

+ Trả cho bị cáo A 01 áo khoác màu trắng; 01 nón bảo hiểm màu đen; 01 nón kết màu đen; 01 đôi giày màu đen.

Bị cáo A khai nhận vào khoảng 18 giờ ngày 22/3/2021, khi đến quán VS ở ấp BP, xã CS, huyện MCN, tỉnh Bến Tre thì phát hiện xe mô tô biển số 71B2-836.08 của anh S đang dựng phía trước quán VS, trên ba ga xe của anh S có để 01 túi xách quay giữa có dây đeo, màu đen (bên trong có nhiều giấy tờ, 01 bóp da, tiền Việt Nam 7.120.000 đồng, 02 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Châu Phước S) nhưng không người trông giữ nên bị cáo đã điều khiển xe mô tô biển số 59S1-400.82 chạy đến áp sát vào chỗ xe anh S đang dựng lấy túi xách của anh S để lên ba ga xe mô tô của bị cáo A rồi tẩu thoát về hướng xã HM, huyện MCN, tỉnh Bến Tre. Sau đó, bị cáo lục lấy 7.120.000 đồng, 02 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Châu Phước S và ném bỏ túi xách, bóp da, các giấy tờ của anh S. Đồng thời, vào khoảng 15 giờ ngày 02/4/2021, trong lúc điều khiển xe mô tô biển số 59S1-400.82 chạy trên đường Quốc lộ 60 hướng từ huyện CT về thành phố BT, tỉnh Bến Tre, phát hiện xe mô tô biển số 71B3-451.83 của anh T1 đang dựng trên vỉa hè phía trước nhà thuộc ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, trên ba ga xe của anh T1 có để 01 chiếc cặp màu đen nhãn hiệu SAKOS (bên trong cặp có tiền Việt Nam 101.000.000 đồng, 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 01 hợp đồng xây dựng và 01 thẻ ATM mang tên Trịnh Văn T1) nhưng không người trông giữ nên bị cáo điều khiển xe mô tô chạy đến lấy chiếc cặp của anh T1 để lên ba ga xe mô tô của bị cáo A rồi

tẩu thoát về thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, bị cáo lục lấy cọc tiền 20.000.000 đồng bỏ vào túi quần, số tiền còn lại vẫn để trong cặp rồi tiếp tục điều khiển xe về hướng thành phố Hồ Chí Minh nhưng khi đến khu vực thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Long An thì bị bắt giữ cùng tang vật. Bị cáo đồng ý với kết quả định giá tài sản, không khiếu nại gì đối với các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Hoàng C trình bày: Ông được bị cáo tác động bồi thường thiệt hại cho bị hại S số tiền 7.120.000 đồng. Nay ông không yêu cầu gì đối với bị cáo A về khoản tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của các bị hại, bị cáo A không có ý kiến, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo A tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 22/3/2021 đến ngày 02/4/2021 trên địa bàn huyện MCN và thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo A đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt của anh S tiền Việt Nam 7.120.000 đồng, chiếm đoạt của anh T1 tiền Việt Nam 101.000.000 đồng và 01 cặp màu đen nhãn hiệu SAKOS trị giá 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo A chiếm đoạt của các bị hại là 108.320.000 đồng.

[3] Bị cáo A là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại có giá trị 108.320.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Bị cáo A đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo A phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu tài sản vắng mặt để thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị

cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[5] Về nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo A có nhân thân xấu. Bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo A được hưởng là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo có công với cách mạng và bị hại S xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo A bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo A không có nghề nghiệp nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã giao trả lại cho bị hại S 01 túi xách quay giữa có dây đeo, màu đen; 02 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Châu Phước S.

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả lại cho bị hại T1 01 chiếc cặp màu đen nhãn hiệu SAKOS; tiền Việt Nam 101.000.000 đồng; 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 01 hợp đồng xây dựng và 01 thẻ ATM mang tên Trịnh Văn T1.

- Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước 01 xe mô - tô hai bánh biển số 59S1-400.82, nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu sơn trắng - đỏ - đen, số máy: JF27E1007119, số khung: 2702BY226811 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô - tô biển số 59S1-400.82 mang tên Trần Hoàng A, do đây là phương tiện phạm tội.

- Trả cho bị cáo A 01 áo khoác màu trắng; 01 nón bảo hiểm màu đen; 01 nón kết màu đen; 01 đôi giày màu đen.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận bị cáo A đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại S số tiền đã chiếm đoạt là 7.120.000 đồng, hiện bị hại S không yêu cầu gì thêm.

- Ghi nhận bị hại T1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 chiếc cặp màu đen nhãn hiệu SAKOS và tiền Việt Nam 101.000.000 đồng, hiện bị hại T1 không yêu cầu gì thêm.

- Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan C không yêu cầu bị cáo A trả lại số tiền 7.120.000 đồng do bồi thường thay cho bị cáo.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh; điều luật áp dụng; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo A phải nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng A phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1. Áp dụng các điểm c, g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng A 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2021.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mô Cày Nam đã giao trả lại cho bị hại Châu Phước S 01 (một) túi xách quay giữa có dây đeo, màu đen; 02 (hai) giấy chứng minh nhân dân và 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Châu Phước S.

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả lại cho bị hại Trịnh Văn T1 01 (một) chiếc cặp màu đen nhãn hiệu SAKOS; tiền Việt Nam 101.000.000 (một trăm lẻ một triệu) đồng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 01 (một) hợp đồng xây dựng và 01 (một) thẻ ATM mang tên Trịnh Văn T1.

- Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô - tô hai bánh biển số 59S1-400.82, nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu sơn trắng - đỏ - đen, số máy: JF27E1007119, số khung: 2702BY226811 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô - tô biển số 59S1-400.82 mang tên Trần Hoàng A.

- Trả cho bị cáo Trần Hoàng A 01 (một) áo khoác màu trắng; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen; 01 (một) nón kết màu đen; 01 (một) đôi giày màu đen.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/9/2021, hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre đang quản lý).

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Ghi nhận bị cáo Trần Hoàng A đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại Châu Phước S số tiền đã chiếm đoạt là 7.120.000 (bảy triệu một trăm hai mươi ngàn) đồng, hiện bị hại Châu Phước S không yêu cầu gì thêm.

- Ghi nhận bị hại Trịnh Văn T1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 (một) chiếc cặp màu đen nhãn hiệu SAKOS và tiền Việt Nam 101.000.000 (một trăm lẻ một triệu) đồng, hiện bị hại Trịnh Văn T1 không yêu cầu gì thêm.

Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Hoàng C không yêu cầu bị cáo Trần Hoàng A trả lại số tiền 7.120.000 (bảy triệu một trăm hai mươi ngàn) đồng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Trần Hoàng A phải nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường M, Quận J, TP Hồ Chí Minh (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Trình